

Bài 4. Nuôi dưỡng gà thịt công nghiệp

Mục tiêu:

- Xác định được nhu cầu dinh dưỡng cho gà thịt
- Chọn được loại thức ăn hỗn hợp phù hợp
- Thực hiện nhận đúng chủng loại, đủ số lượng và kiểm tra được chất lượng thức ăn hỗn hợp
- Thực hiện được công việc cho gà ăn, uống
- Thực hiện được việc theo dõi khả năng tiêu thụ thức ăn và điều chỉnh kịp thời.

A. Nội dung:

1. Xác định nhu cầu dinh dưỡng

- Dựa trên giống gà nuôi, các lứa tuổi khác nhau để xác định nhu cầu dinh dưỡng cho gà theo các giai đoạn cho đúng tiêu chuẩn.

- Ngoài ra chúng ta cần căn cứ vào mùa vụ để xác định nhu cầu protein, năng lượng trao đổi, vitamin và khoáng cho từng loại gà khác nhau.

- Thực tế sản xuất người ta chia thức ăn cho gà thịt được chia làm 3 giai đoạn:

- + Khẩu phần thức ăn khởi động cho gà 1 - 21 ngày tuổi
- + Khẩu phần thức ăn tăng trưởng cho gà 22 - 35 (hoặc 42) ngày tuổi
- + Khẩu phần thức ăn vỗ béo sau 36 ngày tuổi đến xuất chuồng (37, 43) ngày tuổi.

Bảng 2: Yêu cầu các chất dinh dưỡng trong thức ăn hỗn hợp cho gà Broiler

Thành phần dinh dưỡng	ĐV tính	Khởi động 0- 3 tuần tuổi	Tăng trưởng 4 - 6 tuần tuổi	Kết thúc sau 6 tuần tuổi
Protein thô	%	23 - 24	20 - 21	18.5 - 19.5
ME	Kcal/kg	3000 - 3100	3100 - 3200	3100 - 3200
Can xi	%	0.9 - 0.95	0.85 - 0.90	0.80 - 0.85
Phot pho tiêu hoá	%	0.45 - 0.47	0.42 - 0.45	0.40 - 43
Muối ăn	%	0.30 - 0.45	0.30 - 0.45	0.30 - 0.45
Arginine	%	28	20	0.96
Lyzine	%	20	1.01	0.94
Methionine	%	0.47	0.44	0.38

Thành phần dinh dưỡng	ĐV tính	Khởi động 0- 3 tuần tuổi	Tăng trưởng 4 - 6 tuần tuổi	Kết thúc sau 6 tuần tuổi
Methionin + Systin	%	0.92	0.82	0.77
Triptophan	%	0.22	0.19	0.18
Treomin	%	0.78	0.76	0.70
Mn	mg / kg	100	100	100
Zn	mg / kg	75	75	75
Fe	mg / kg	100	100	100
Cu	mg / kg	8	8	8
I	mg / kg	0.45	0.95	0.45
Se	mg / kg	0.30	0.30	0.30
Vitamin A	UI/kg	9000	9000	7500
Vitamin D	UI/kg	3300	3300	2500
Vitamin E	UI/kg	30.0	30.0	30.0
Vitamin K	UI/kg	2.2	2.2	2.2
Vitamin B1	mg/kg	2.2	2.2	2.2
Vitamin B2	mg/kg	8.0	8.0	8.0
Vitamin PP	mg/kg	66.0	66.0	50.0
Vitamin B6	mg/kg	4.4	4.4	3.0
Vitamin B12	mg/kg	0.022	0.022	0.015

*Bảng 3: Tiêu chuẩn khẩu phần ăn cho gà thịt broiler nuôi trống mái
(Mỹ 1998)*

Loại gà	ĐV tính	Khởi động 1 - 14 ngày tuổi	Tăng trưởng 15–37 ngày tuổi	Kết thúc sau 38 ngày tuổi
Gà trống				
Protein thô	%	24	21	19
ME	Kcal/kg	3100	3200	3200
Can xi	%	0,95 - 1,00	0,90 – 0,95	0,90 – 0,95
Phot pho	%	0,50 – 0,52	0,48 – 0,50	0,42 – 0,46
Lysine	%	1,25	1,05	0,80
Tổng số Amino	%	0,96	0,85	0,71
Gà mái				
Protein thô	%	24	19,5	18,0
ME	Kcal/kg	3100	3200	3200
Can xi	%	0,95 – 1,00	0,85 – 0,90	0,85 – 0,90
Phot pho	%	0,50 – 0,52	0,4 – 0,46	0,35 – 0,40
Tổng số Amino	%	0,96	0,75	0,65

2. Chọn hỗn hợp thức ăn

Khẩu phần ăn của gà thịt cần được cho ăn theo công thức đầy đủ năng lượng và các dưỡng chất thiết yếu cho sức khỏe cũng như sự phát triển của con gà. Thành phần dưỡng chất cơ bản cho 1 con gà gồm: nước, amino axit, năng lượng, vitamin và chất khoáng. Các thành phần này sẽ đảm bảo sự phát triển của hệ xương và tích thành cơ. Chất lượng của thành phần, dạng thức ăn, và vệ sinh có ảnh hưởng trực tiếp lên tác dụng của những dưỡng chất cơ bản này. Nếu các nguyên liệu thô hay quy trình chế biến thức ăn bị tổn hại hoặc có sự mất cân đối trong thành phần dinh dưỡng của thức ăn, năng suất gà sẽ bị giảm sút. Vì gà được nuôi để đạt được các trọng lượng xuất chuồng, thành phần cơ thể và chiến lược sản xuất khác nhau. Nên sẽ không thực tế nếu chỉ đưa ra một tính toán về yêu cầu dinh dưỡng đơn lẻ. Do vậy các công thức về yêu cầu dinh dưỡng chỉ nên được xem như các hướng dẫn tham khảo để thực hiện. Các hướng dẫn này cần được điều chỉnh theo từng cơ sở nuôi cũng như theo từng người chăn nuôi cụ thể.

- Lựa chọn một khẩu phần tối ưu cần tính toán đến những nhân tố chủ yếu sau:

- + Sự sẵn có của nguyên liệu thô và giá thành của chúng.
- + Nuôi riêng theo giới tính.
- + Trọng lượng hơi theo yêu cầu của thị trường.
- + Chất lượng thịt và năng suất thân thịt

+ Lốp mỡ theo yêu cầu của từng thị trường cụ thể như làm sẵn, nấu chín, hay các sản phẩm đã chế biến.

+ Màu da.

+ Cấu trúc thịt và mùi vị.

+ Công suất của nhà máy thức ăn.

- Dạng thức ăn trong khẩu phần ăn có thể khác nhau gồm dạng bột, vụn, viên. Trộn đều các thức ăn được chế biến với các ngũ cốc nguyên hạt trước khi cho ăn cũng rất phổ biến ở một số khu vực chăn nuôi trên thế giới. Thêm nữa, việc chế biến thức ăn thường được ưa thích hơn vì có cả lợi ích về mặt quản lý cũng như dinh dưỡng. Khẩu phần thức ăn dạng viên dễ thực hiện hơn so với thức ăn dạng bột. Về mặt dinh dưỡng, thức ăn được chế biến lâu hơn cho thấy nâng cao rõ rệt về hiệu suất cũng như tăng trưởng của đàn so sánh với thức ăn dạng bột.

+ Đạm thô: Nhu cầu của gà thịt đối với đạm thô chính là nhu cầu đối với axit amin, các nguyên tố hình thành lên chất đạm. Đạm là các thành phần cấu trúc trong các mô từ lông đến cơ.

+ Năng lượng: Năng lượng không phải chất dinh dưỡng nhưng là phương tiện mô tả sự chuyển hóa các chất dinh dưỡng sinh ra năng lượng. Năng lượng rất cần thiết để duy trì các chức năng chuyển hóa cơ bản của con gà và sự tăng trọng của cơ thể. Thông thường hệ năng lượng chuyển hóa được sử dụng để mô tả hàm lượng năng lượng có trong khẩu phần ăn của con gia cầm. Năng lượng chuyển hóa (ME) là tổng năng lượng trong thức ăn tiêu thụ trừ đi tổng năng lượng bị mất ra ngoài.

+ Vi dưỡng chất : Các vitamin được bổ sung đều đặn trong hầu hết các thức ăn và có thể xếp loại chúng thành loại tan trong nước và loại tan trong mỡ. Các vitamin tan trong nước gồm các vitamin B tổng hợp. Các vitamin tan trong mỡ gồm A, D, E và K. Các vitamin tan trong mỡ có thể có trong gan và các phần khác trong cơ thể.

Các khoáng chất là các chất dinh dưỡng vô cơ và được chia thành các nguyên tố chính hay phụ. Các khoáng chất chính gồm canxi, phot pho, Kali, Natri, Clo, lưu huỳnh và magie. Các nguyên tố phụ gồm sắt, iốt, đồng, mangan, kẽm và Selen.

- Hiện nay trên thị trường nước ta có rất nhiều các công ty sản xuất thức cho gà, vì vậy việc lựa chọn thức ăn của hãng nào là rất quan trọng, tốt nhất trước khi lựa chọn cần khảo sát thông tin đánh giá của viện chăn nuôi và các cơ sở chăn nuôi khác về loại thức ăn đó, họ đã dùng đạt hiệu quả ra sao rồi quyết định nên sử dụng cho cơ sở chăn nuôi của mình không.

- Nếu cơ sở tự chế biến thức ăn cho gà thì cần tìm mua các cơ sở cung cấp nguyên liệu uy tín, chất lượng tốt để đặt mua.

- Chúng ta có thể tham khảo một số loại thức ăn sau:

Bảng 4: Công thức phối chế thức ăn đậm đặc của một số công ty

Nguyên liệu Thức ăn (kg)	Proco con cò C 20		Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam	
	1-3 tuần tuổi	> 3 tuần tuổi	1-3 tuần tuổi	> 3 tuần tuổi
Đậm đặc C20	42	36	0	0
Đậm đặc GT10	0	0	36	0
Đậm đặc GT2	0	0	0	35
Ngô nghiền	32	28	48	50
Tầm gạo	21	26	6	5
Cám gạo loại 1	5	10	10	10
Bột sắn	0	0	0	0

Chú ý: Không có tầm có thể thay bằng gạo xay, nghiền

Gà trên 8 tuần tuổi có thể phối chế 8 - 10 kg sắn với 37 - 38 kg thức ăn đậm đặc GT 2. 45 - 47 kg ngô và 10 - 15 kg cám gạo mịn.



Thức ăn cho gà

Bảng 5: Công thức thức ăn dinh dưỡng cho gà thịt Broiler (Bùi Hữu Lũng)

Nguyên liệu (kg hay %)	0 – 3 tuần tuổi		4 – 6 tuần tuổi		Sau 6 tuần tuổi	
	CT 1	CT 2	CT 1	CT 2	CT 1	CT 2
Ngô vàng	51,9	47,0	61,50	50,20	66,0	55,56
Cám gạo tốt	-	15,0	-	15,0	-	10,6
Sắn khô nghiền	-	-	-	-	-	10,0
Khô lạc nhân (khô đậu tương)	25	14,0	17,0	10,0	20,0	9,0
Khô lạc vỏ	-	5,0	-	6,0	-	5,0
Đỗ tương rang	10,0	10,0	10,0	10,0	5,0	2,0
Bột cá > 55% Protein	10	6	8	5	6,0	4,0
Bột xương	2,5	3,0	2,7	3,0	2,0	3,0
L–Lysine	-	0,10	-	0,10	-	0,10
DL- Methionin	0,05	0,07	0,05	0,07	0,05	0,07
Premix VTM + Khoáng NaCl	0,50 0,1	0,50 0,2	0,50 0,15	0,50 0,2	0,50 0,2	0,50 0,2
Thành phần dinh dưỡng						
ME (Kcal/kg)	3000	2900	3100	2931	3200	3150
Protein thô (%)	24,1	21,5	21,8	19,4	18,5	17,5
Canxi (%)	1,2	1,3	1,15	1,29	1,0	0,94
Photpho tổng số (%)	0,8	0,74	0,76	0,73	0,63	0,55
Photpho tiêu hoá (%)	0,55	0,55	0,55	0,55	0,50	0,50
Lysine (%)	1,26	1,2	1,2	1,1	0,9	0,95
Methionin	0,43	0,44	0,41	0,41	0,32	0,37

Chú ý:

Không có sắn thì thay thế bằng tấm gạo hoặc ngô

Nếu không có khô lạc vỏ thì thay thế bằng khô lạc nhân hoặc khô đỗ tương.

3. Nhận và kiểm tra thức ăn.

- Kiểm tra đơn đặt hàng (chủng loại, số lượng, chất lượng)
- Nhận thức ăn nhập kho đúng với yêu cầu đơn đặt hàng
- Khi nhận hàng kiểm tra chất lượng (bao bì còn nguyên không, thời gian sản xuất, hạn sử dụng, thành phần dinh dưỡng, chất lượng thức ăn...).

Việc lấy mẫu thức ăn theo hệ thống trong mỗi trại chăn nuôi chính là một cách “thực tế nhất. Kỹ thuật lấy mẫu thức ăn rất quan trọng vì kết quả phân tích phản ánh hàm lượng dinh dưỡng thực tế có trong thức ăn. Mẫu phải đại diện cho

cả lô thức ăn mà mẫu được lấy từ đó. Việc lấy mẫu không đơn giản chỉ là xúc thức ăn từ máng ra. Để lấy mẫu thức ăn, cần lấy một mẫu phụ rồi trộn chúng vào 1 mẫu tổng hợp. Nên lấy 5 mẫu phụ từ mỗi lần cho ăn. Không nên lấy mẫu từ dây chuyền thức ăn vì sạn của nguyên liệu hoặc bụi sẽ làm sai lệch kết quả. Mẫu cần được bảo quản trong tủ lạnh cho đến khi hết lứa nuôi. Mỗi mẫu cần được ghi chép ngày tháng lấy, loại thức ăn, số thẻ xuất. Nếu có vấn đề trong quá trình nuôi, và thức ăn bị nghi ngờ thì cần tiến hành phân tích mẫu. Các báo cáo của phòng thí nghiệm cần được so sánh với các chỉ tiêu dinh dưỡng của khẩu phần tương ứng.

- Ghi chép sổ sách thức ăn nhập kho (chủng loại, số lượng, chất lượng)

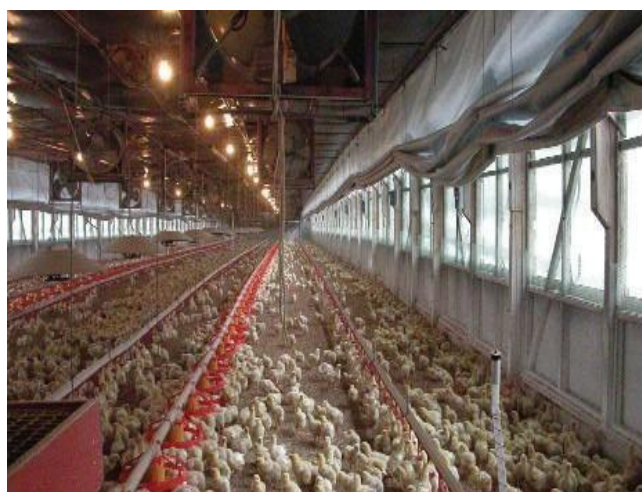
4. Cho gà ăn, uống

- Cho gà uống nước: Tuần đầu ta có thể dùng máng galon loại 4 lít đặt xen kẽ với máng ăn theo hình dẻ quạt. Sang tuần thứ hai từ ngày thứ 10 trở đi ta có thể thay máng galon bằng máng dài, tròn tự động hay thủ công hoặc dùng nùm vú treo dọc theo chuồng nuôi ta treo máng ở độ cao theo tầm lưng con gà để gà uống nước được thoải mái và đảm bảo vệ sinh. ở tuần đầu ta có thể bổ sung thêm vào nước uống vitamin C, glucoza, B.complex, kháng sinh, ... để tăng cường sức đề kháng và phòng bệnh đường tiêu hoá và hô hấp. Nhiệt độ nước phải ổn định 16 - 18⁰ C, ngày có thể bổ sung 3 - 4 lần. Hàng ngày phải vệ sinh máng uống.

- Cho ăn: Ở tuần đầu ta dùng khay (tròn, vuông, ...) đặt trong quây cho gà ăn, ngày bổ sung thức ăn 4 - 5 lần, thường xuyên sàng thức ăn để thức ăn được tươi xốp kích thích tính thèm ăn của gà. Từ ngày thứ 8 trở đi đến ngày thứ 10 thay dần khay ăn bằng các máng tròn, hay máng dài treo dọc chuồng nuôi và luôn điều chỉnh độ cao của máng ăn vừa tầm gà để gà ăn thức ăn được thoải mái và ăn được nhiều thức ăn. Một ngày ta bổ sung 3 - 4 lần thức ăn. Thức ăn phải đảm bảo đúng chất lượng và số lượng. Chúng ta phải thường xuyên kiểm tra thức ăn để loại bỏ những thức ăn bị nấm mốc, thức ăn không đảm bảo vệ sinh. Hàng ngày phải vệ sinh máng ăn, hàng tuần phải tiêu độc 1 lần.



Bố trí máng ăn máng uống ở những tuần đầu



Bố trí máng ăn máng uống ở các tuần sau

- *Lưu ý:* Giai đoạn từ 0 - 3 tuần tuổi ta sử dụng thức ăn gà con loại 1, giai đoạn từ 4 - 8 tuần tuổi ta sử dụng thức ăn gà con loại 2, khi thay đổi thức ăn ta nên thay đổi từ từ, thay đổi từ ít đến nhiều để gà con quen dần tránh hiện tượng stress do thay đổi thức ăn.

Hàng ngày cần quan sát loại bỏ những gà con còi cọc, chậm lớn, hay có triệu chứng bệnh tật.

Ở chuồng nuôi gà cần có sổ sách để ghi chép theo dõi số liệu đàn gà, diễn biến hàng ngày, số liệu ghi chép đòi hỏi phải chính xác.

5. Theo dõi khả năng tiêu thụ thức ăn

- Dựa vào bảng định mức thức ăn theo dõi khả năng tiêu thụ thức ăn của gà.

- Nếu gà có hiện tượng tiêu thụ thức ăn giảm phải tìm nguyên nhân tại sao để có biện pháp điều chỉnh thức ăn kịp thời.

Bảng 6. Định mức tiêu tốn thức ăn và tăng trọng của gà broiler theo tuần tuổi (Theo tài liệu hãng AA – Mỹ 1996)

Tuần tuổi	Nuôi lần trồng mái					
	Khối lượng cơ thể (g)	Tăng trọng hàng tuần (g)	Tiêu thụ thức ăn (g)		Chi phí thức ăn/ kg tăng trọng (g)	
			Hàngtuần	Cộng dồn	Hàngtuần	Cộng dồn
1	165	125	143	143	1150	870
2	405	240	298	441	1240	1090
3	735	340	485	926	1470	1260
4	1150	415	707	1633	1700	1420
5	1625	475	935	2568	1970	1580
6	2145	520	1186	3754	2280	1750
7	2675	530	1382	5136	2610	1920

Tuần tuổi	Nuôi lẫn trống mái					
	Khối lượng cơ thể (g)	Tăng trọng hàng tuần (g)	Tiêu thụ thức ăn (g)		Chi phí thức ăn/ kg tăng trọng (g)	
			Hàngtuần	Cộng dồn	Hàngtuần	Cộng dồn
8	3215	540	1648	6784	3050	2110
9	3710	495	1749	8533	3530	2300
10	1480	470	1959	10492	4170	2510
Gà trống nuôi tách mái						
1	170	130	148	148	1180	870
2	420	250	306	454	1220	1080
3	775	355	515	969	1450	1250
4	1220	445	739	1708	1660	1400
5	1735	515	999	2707	1940	1560
6	2310	375	1290	3996	2240	1730
7	2895	585	1475	5472	2520	1890
8	3495	600	1795	7270	3000	2080
9	4050	555	1883	9153	3390	2260
10	4580	530	2114	11207	3990	2460
Gà mái nuôi tách trống						
1	160	120	141	141		
2	390	230	128			
3	695	305	454			
4	1080	355	683			
5	1515	435	860			
6	1980	465	1080			
7	2455	475	1307			
8	2935	480	1498			
9	3370	485	1643			
10	3780	410	1724			

6. Điều chỉnh thức ăn, nước uống

- Nuôi gà thịt thương phẩm thông thường cho gà ăn tự do
- Nếu thấy gà giảm ăn phải xác định nguyên nhân để xử lý kịp thời (gà bị

stress hoặc bị bệnh) tránh làm thiệt hại kinh tế.

- Nước uống cho uống tự do, thường xuyên kiểm tra hệ thống cung cấp nước để đảm bảo nước được cung cấp đầy đủ.

- Điều chỉnh thức ăn, nước uống.